

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 23- 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019.

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn Th, sinh năm 1971, địa chỉ: Bản H, xã TH, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Bích L - Luật sư Văn phòng luật sư N – Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản L, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – anh Hà Văn Th trình bày như sau:

Ngày 17/01/2019, anh có mang 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu PC200-3 ra xưởng sửa chữa của anh Nguyễn Hữu T (tiểu khu B, xã CN, MS,

Son La) để sửa chữa do máy bị kêu bơm, mòn gối bơm. Hai bên chỉ trao đổi miệng với nhau về việc sửa chữa, anh T sau khi kiểm tra máy xác định chỗ hỏng cần sửa chữa đã báo giá cho anh và yêu cầu anh ứng trước số tiền 30.000.000 VNĐ. Sau đó, anh T đã sửa chữa và thay thế cho chiếc máy xúc của anh các bộ phận như sau: Bơm thủy lực, ắc gầu, ngăn kéo, quay toa, thay joong phốt. Tất cả đồ đạc, thiết bị và công sửa máy là 55.000.000 VNĐ. Còn có đồ phát sinh thêm là trục quay toa có giá trị 4.000.000 VNĐ, phần cơ khí 8.780.000 VNĐ. Tổng cộng là 67.780.000 VNĐ.

10 ngày sau thì anh T mới sửa chữa và thay thế cho anh xong các thiết bị này. Anh có yêu cầu anh T mang máy vào trong xã TH cho hoạt động thử mới trả nốt tiền nhưng Anh T yêu cầu phải trả đủ tiền sửa máy rồi mới cho mang máy về. Anh nhất trí và trả nốt số tiền còn lại cho anh T nhưng có yêu cầu anh T phải viết giấy bảo hành với cam kết máy hoạt động tốt trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày sửa xong. Khi anh mang máy về nhà đã thử máy luôn nhưng máy không hoạt động được bình thường, anh có gọi cho anh T ngay nhưng hôm sau anh T mới vào kiểm tra, có tháo bơm thủy lực và ngăn kéo máy ra mang về nhà sửa. Mấy hôm sau anh T mang vào lắp nhưng máy vẫn không hoạt động được, anh T lại cho rằng hỏng bơm khiến yêu cầu anh mua mới để thay thế nhưng khi thay xong bơm khiến thì máy vẫn không làm việc được. Sau nhiều lần không sửa được máy, anh Tuyên đã đề nghị anh mời thợ khác để sửa còn chi phí sửa chữa hết bao nhiêu anh T sẽ chịu. Hai bên đã viết giấy cam kết vào ngày 14/4/2019 với nội dung ghi lại đúng ý kiến của anh T đã nói trên. Trong đó anh T đã nói rõ nếu thợ khác sửa chữa khắc phục được những bộ phận máy xúc anh T đã sửa chữa thay thế cho anh thì anh T sẽ chỉ trả toàn bộ tiền sửa chữa, còn nếu thợ không khắc phục được thì anh T có trách nhiệm bồi hoàn lại cho anh số tiền đã trả sửa chữa chỗ anh T là 55.000.000 VNĐ. Sau đó anh đã mời anh Phạm Văn Q (tiểu khu C, MB, ML, Sơn La) đến sửa máy và anh Q đã sửa được cho anh với tổng chi phí sửa chữa hết 57.300.000 VNĐ. Khi máy hoạt động được bình thường, anh đã xuống gặp anh T để yêu cầu thực hiện theo cam kết đã viết giữa hai bên nhưng anh T không đồng ý vì cho rằng số tiền đó đã mua thiết bị sửa chữa hết.

Hai bên không hòa giải được nên anh khởi kiện ra Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh giữ nguyên yêu cầu anh T phải bồi hoàn cho anh số tiền sửa máy xúc 55.000.000 VNĐ.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – bà Trần Bích L nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về yêu cầu khởi kiện tại Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh xác nhận về việc anh Hà Văn Th có mang 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu PC 200-3 đến xưởng của anh yêu cầu sửa chữa vào khoảng ngày 16,

17 tháng 01 năm 2019. Khi đó máy không kiểm tra tình trạng được (máy chết), máy được xe kéo đến, anh có tháo bơm máy ra kiểm tra thấy hỏng bơm và hỏng ngăn kéo. Anh có trao đổi với lại anh Th về tình trạng máy và hướng sửa chữa. Anh Th có đồng ý cho anh gửi ngăn kéo máy xuống Hà Nội để kiểm tra, thợ dưới Hà Nội (xưởng cơ khí ĐA ở Hà Nội) báo lên ngăn kéo có khe hở lớn chi phí sửa hết hơn 40.000.000 đồng. Báo cho anh Th thì anh Th chỉ đồng ý khắc phục ngăn kéo hết tụt cần, với giá khoảng 20.000.000 đồng, anh đã ứng ra trả trước số tiền này. Ngoài ra còn có balo của bơm cũng phải gửi xuống Hà Nội để gia công lại chi phí hết khoảng 6.000.000 đồng, thay thế pittong mới hết khoảng hơn 4.000.000 đồng, xi lanh, mặt chà, đĩa lỗ khắc phục lại. Tổng cộng chi phí sửa chữa cho máy xúc của anh Th là 67.780.000 đồng.

Khoảng 10 ngày kể từ ngày nhận máy, ngày 25/01/2019 anh cho thử máy ở xưởng có sự chứng kiến của anh Th và nhiều người dân khác đến xem, đến ngày 28/01/2019 bàn giao máy cho anh Th, trước khi bàn giao máy có thử lại máy hoạt động bình thường. Anh Th có yêu cầu anh mang máy về trong xã TH để cho làm thử mới trả nốt tiền nhưng anh không đồng ý, anh yêu cầu anh Th phải trả nốt tiền mới được mang máy về. Anh Th cũng nhất trí trả tiền nhưng có viết giấy bảo hành yêu cầu anh ký tên với nội dung bảo hành thời hạn 06 tháng.

Sau khi anh Th mang máy về phải đến đầu tháng 4/2019 thì máy mới có vấn đề và anh Th gọi anh vào sửa. Anh có vào và có tháo bơm và ngăn kéo máy ra mang về gửi xuống Hà Nội để yêu cầu kiểm tra. Kết quả thợ Hà Nội báo lên là do sử dụng dầu bẩn nên bơm và ngăn kéo tiếp tục hỏng cần thay thế nhưng anh Th không đồng ý với thay thế mà yêu cầu anh mang vào lắp lại cho máy. Anh có nói anh Th mang máy về xưởng của anh để gọi thợ ở Hà Nội lên sửa nhưng anh Th không đồng ý. Ngày 14/4/2019, khi anh mang vào lắp trả cho máy thì anh Th có yêu cầu anh ký cam kết về việc anh Th được mời thợ khác đến sửa máy nếu sửa được thì phải trả toàn bộ tiền sửa nếu thợ khác không sửa được thì anh phải trả cho anh Th số tiền 55.000.000 đồng. Việc ký cam kết này gần như là anh Th ép buộc anh ký.

Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Th vì toàn bộ số tiền 55.000.000 đồng anh đã sử dụng để mua thiết bị và sửa chữa máy cho anh Th. Và việc anh Th mời thợ khác đến sửa anh cũng không được chứng kiến và tham gia nên không biết thợ mới có sửa chữa và thay thế đúng các thiết bị và phụ tùng anh đã sửa chữa và thay thế cho máy xúc của anh Th không.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, Chủ tọa công bố quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những

người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều: 403, 410, 513, 516, 517 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn Th

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải bồi hoàn số tiền 55.000.0000 (năm mươi lăm triệu) đồng theo hợp đồng dịch vụ được giao kết bằng lời nói lập ngày 17/01/2019.

Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn Th yêu cầu anh Nguyễn Hữu T (hiện tạm trú tại **bản L**, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La) bồi hoàn số tiền 55.000.000 đồng phát sinh từ việc sửa chữa máy xúc có bảo hành. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Hữu T nhưng anh T vắng mặt hai lần liên tiếp mà không có lý do nên căn cứ Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hợp đồng dịch vụ sửa chữa chiếc máy xúc hiệu Komatsu PC 200-3, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai thống nhất của bên nguyên đơn và bị đơn xác định: Ngày 17/01/2019, anh Hà Văn Th có giao kết hợp đồng bằng lời nói với anh Nguyễn Hữu T với nội dung: Anh T nhận sửa chữa và thay thế các bộ phận của chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu PC -200 anh Th mang đến sửa gồm: khắc phục ngăn kéo kết tụt cần; gia công lại ba lô của bơm; thay thế pittong; xi lanh, mặt chà, đĩa lỗ gia công lại. Tổng chi phí công sửa và thiết bị thay thế là 55.000.000 đồng. Phần phát sinh thêm là thay trục quay toa hết 4.000.000 đồng và phần cơ khí hết 8.780.000 đồng. Anh Th đã trả đủ cho anh T toàn bộ số tiền trên là 67.780.000 đồng vào ngày 27/01/2017 và nhận máy xúc đã được sửa chữa về.

Tuy nhiên, trước khi trả hết tiền sửa và nhận máy, anh Th có yêu cầu anh T ký vào giấy bảo hành các thiết bị đã sửa chữa cho anh Th với thời hạn 06 tháng kể từ ngày sửa vào ngày bàn giao lại máy cho anh Th là ngày 27/01/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng dịch vụ bằng lời nói về việc sửa chữa chiếc máy xúc Komatsu PC 200-3 (hợp đồng song vụ) thì anh Th (bên sử dụng dịch vụ) đã thực hiện đủ nghĩa vụ thanh toán tiền công và tiền thay thế thiết bị cho anh T (bên cung ứng dịch vụ) sau khi nhận bàn giao máy vào ngày 27/01/2019 và hai bên đã thiết lập một thỏa thuận khác bằng văn bản về việc bảo hành việc sửa chữa trên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận máy. Giấy bảo hành này là một phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng dịch vụ sửa chữa máy xúc bằng lời nói giữa anh Th và anh T. Theo quy định tại Điều 403 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phụ lục này có hiệu lực như hợp đồng.

Dù hai bên không thống nhất với nhau về thời điểm máy xúc không làm việc được kể từ khi anh Th nhận máy xúc về nhà nhưng đều thống nhất sau khi máy không làm việc được, anh Th có báo với anh T và anh T có vào trực tiếp kiểm tra và tháo bơm, ngăn kéo của máy mang về sửa chữa. Anh T cho rằng đã báo lại với anh Th nguyên nhân bơm, ngăn kéo máy bị hỏng khiến máy không làm việc do anh Th sử dụng dầu không đảm bảo chất lượng và cần thay thế mới nhưng anh Th không đồng ý nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét ý kiến này của anh T. Anh Th cung cấp cho Tòa án 01 bản cam kết thể hiện nội dung nếu anh T không sửa chữa được máy như bảo hành thì đồng ý việc anh Th mời thợ khác sửa chữa chi phí sửa chữa do anh T chịu. Thỏa thuận này có chữ ký của anh T. Việc anh T cho rằng bị đe dọa ép buộc ký cam kết trên nhưng không đưa ra được chứng cứ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[2.2] Về yêu cầu anh T bồi hoàn số tiền sửa chữa máy xúc

Lời khai của người làm chứng anh Phạm Văn Q (tạm trú tại tiểu khu C, xã MB, huyện ML, tỉnh Sơn La hiện trú tại thôn YM, xã LĐ, huyện HB, tỉnh Quảng Ninh) là thợ được anh Th mời sửa chữa sau khi anh T có ký cam kết trên thể hiện: Nguyên nhân chiếc máy xúc hiệu Komatsu PC 200-3 của anh Th

không hoạt động được là do bơm bị vỡ, ngăn kéo bị hỏng do lắp bơm không đúng kỹ thuật. Các thiết bị anh đã thay thế mới cho anh Th gồm: Pittong hai bộ giá 4.800.000 đồng; hai gối giá 4.400.000 đồng; một đĩa giá 800.000 đồng; một lọc thủy lực 250.000 đồng; hai bộ xi lanh 9.000.000 đồng; hai mặt chà 3.200.000 đồng; Ngăn kéo giá 20.000.000 đồng; thay bộ dong phốt ngăn kéo 850.000 đồng. Tiền công làm bơm là 7.000.000 đồng, tiền công làm ngăn kéo là 7.000.000 đồng, tổng cộng là 57.300.000 đồng.

Anh T cho rằng việc thỏa thuận sửa chữa lại máy xúc giữa anh Th và thợ sửa chữa mới do hai người tự thực hiện, không có mặt anh nên anh T không chấp nhận bồi hoàn lại số tiền sửa chữa này. Ý kiến này của anh T không được chấp nhận bởi lẽ khi anh T ký vào giấy cam kết ngày 14/4/2019 thì nội dung hai bên không có thỏa thuận về việc thợ mới sửa chữa máy phải có sự chứng kiến và giám sát của anh T, không ai yêu cầu người làm chứng và không có biên bản thống nhất với nhau về nguyên nhân máy xúc không làm việc được. Nội dung giấy cam kết chỉ thể hiện nếu anh T không sửa được máy xúc thì anh Th được quyền mời thợ sửa chữa khác về sửa, chi phí anh T phải chịu.

Anh T trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến sẽ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ là hình ảnh chiếc máy xúc cùng các bộ phận máy được anh thay thế sửa chữa cho anh Th cùng các hóa đơn chứng từ về việc mua các thiết bị thay thế nhưng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa công khai anh T cũng không có mặt và cung cấp các chứng cứ này dù đã có yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án.

Anh T có yêu cầu anh Th phải cung cấp chứng cứ chứng minh chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu PC-200 thuộc sở hữu hợp pháp của anh Th. Yêu cầu này của anh T không được xem xét việc thỏa thuận sửa chữa chiếc máy xúc ban đầu giữa các bên không có thỏa thuận về nội dung này.

Yêu cầu của anh Th về việc buộc anh T phải bồi hoàn lại số tiền 55.000.000 đồng là tiền chi phí sửa chữa và công của anh T khi sửa chữa chiếc máy xúc cho anh Th vào ngày 17/01/2019 là có căn cứ để chấp nhận (chi phí này không bao gồm tiền trực quay toa và cơ khí ắc gầu).

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 403, 410, 513, 516 và 517 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn Th

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải bồi hoàn số tiền 55.000.0000 (năm mươi lăm triệu) đồng theo hợp đồng dịch vụ được giao kết bằng lời nói lập ngày 17/01/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/1năm).

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Anh Hà Văn Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.375.000 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS theo biên lai số AA/2016/0003220 ngày 16/7/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lò Thị Chơ